

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN
SEASPILEX VIETNAM

Số: 57/20/TTr/TĐS/HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 5 năm 2020

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

V/v Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các quy định khác của pháp luật hiện hành;
- Căn cứ Điều lệ bổ sung và sửa đổi của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản tháng 4/2017;
- Căn cứ Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên nội dung sau:

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản được kiểm toán độc lập bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt, ký ngày 29 tháng 02 năm 2020.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu VT.

Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

HUYNH AN TRUNG



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Khái quát

Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Nhà nước - Công ty Xuất nhập khẩu Thủy đặc sản theo Quyết định số 53/2002/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103000946, đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 4 năm 2002. Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 03 tháng 05 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Chi tiết: Chế biến, đóng hộp thủy hải sản; dịch vụ bảo quản thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Bán buôn thực phẩm khác (không hoạt động tại trụ sở);
- Nuôi trồng thủy sản nội địa. Chi tiết: Nuôi trồng thủy sản, ương cá giống (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Chi tiết: Sản xuất thủy hải sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Chế biến và bảo quản rau quả. Chi tiết: Dịch vụ bảo quản rau quả và thực phẩm các loại (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán mô tô, xe máy. Chi tiết: Mua bán mô tô, xe máy;
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá. Chi tiết: Sản xuất nước đá (không hoạt động tại trụ sở);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điều hòa không khí, hệ thống sấy, hút bụi, thông gió, kho lạnh, hệ thống điều hòa trung tâm;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (tùng, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Kinh doanh thủy hải sản, thức ăn nuôi thủy sản và gia súc, gia cầm. Mua bán nông lâm thủy hải sản;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Mua bán sắt thép, kim loại màu, sản phẩm gỗ, kim khí;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán thiết bị văn phòng, thiết bị phục vụ nhà hàng, khách sạn;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm. Chi tiết: Mua bán máy tính và linh kiện phụ tùng, phần mềm máy tính....

Trụ sở chính của Công ty tại số Số 51/14 Hòa Bình, Phường Tân Thới Hoà, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính năm 2019.

25988

ÔNG T
CỔ PH
ỦY ĐẶC

TU TP.H

21388

CÔNG T
NHIỆM
H VỤ T
HÀNH K
KIỂM T
NAM VI
TP. HC

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Công Đức	Chủ tịch	Đến ngày 20/04/2019
Ông Huỳnh An Trung	Chủ tịch	Từ ngày 20/04/2019
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Thành viên	
Ông Cao Thanh Định	Thành viên	
Ông Trần Phước Thái	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Công Đức	Tổng Giám đốc	Đến ngày 01/06/2019
Ông Lê Minh Bằng	Phó Tổng Giám đốc	Đến ngày 02/12/2019
Ông Nguyễn Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 03/05/2019
Ông Đặng Thành Trung	Phó Tổng Giám đốc	

Ban kiểm soát

Ông Phạm Văn Tranh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Kim Hậu	Thành viên
Bà Vũ Thị Hồng Gấm	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

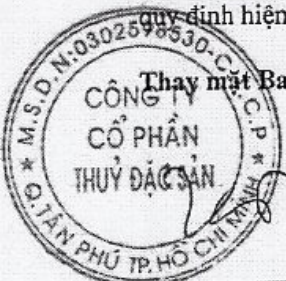
Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 07 đến trang 39 và cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Lê Công Đức
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 02 năm 2020



Số: 38/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản, được lập ngày 29 tháng 02 năm 2020, từ trang 07 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh VII.10 trang 39 phần thuyết minh báo cáo tài chính như sau: Theo công văn số 9588/STC-BVG ngày 15/12/2015 của Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh thì Sở Tài chính đã đề nghị Cục thuế Thành Phố Hồ Chí Minh xác định lại khoản chênh lệch giữa giá thuê đất và giá Công ty CP Thủy đặc sản cho thuê lại khu đất 16.379 m² tại 213 Hòa Bình, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú để thu hồi (nếu có). Đến thời điểm phát hành báo cáo này Sở tài chính, Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh và Chi Cục Thuế Quận Tân Phú vẫn chưa đưa ra quyết định cuối cùng về vấn đề này.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)



Cao Thị Hồng Nga
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0613-2018-152-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Hồng Nga
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1266-2018-152-1

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 02 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		219.699.364.909	224.270.603.686
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	63.510.865.339	29.170.887.554
1. Tiền	111		63.510.865.339	29.170.887.554
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		42.089.266.056	99.741.630.826
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	54.516.163.183	97.356.814.091
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.290.428.167	2.043.674.335
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	5.376.839.873	5.517.518.273
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(19.094.165.167)	(5.176.375.873)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	108.186.621.989	87.407.563.505
1. Hàng tồn kho	141		108.291.003.069	87.604.038.135
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(104.381.080)	(196.474.630)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.912.611.525	7.950.521.801
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	245.343.972	316.408.301
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.667.267.553	6.939.966.576
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	-	694.146.924
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		148.233.445.437	158.934.517.913
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
II. Tài sản cố định	220		146.466.917.461	155.503.136.094
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	125.532.432.661	134.999.146.014
- Nguyên giá	222		250.062.822.048	248.179.678.235
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(124.530.389.387)	(113.180.532.221)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	20.934.484.800	20.503.990.080
- Nguyên giá	228		26.330.568.000	25.313.568.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(5.396.083.200)	(4.809.577.920)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8	-	655.700.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	655.700.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	116.230.738	116.230.738
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		116.230.738	116.230.738
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.650.297.238	2.659.451.081
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	1.650.297.238	2.659.451.081
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		367.932.810.346	383.205.121.599

10. C. I.
V
AN
CHÍNH

884.
C. I.
TY
NHỮ
TƯ V
KẾ T
TOA
VIỆT
HOC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		230.367.461.532	246.806.491.990
I. Nợ ngắn hạn	310		230.367.461.532	246.806.491.990
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	49.490.242.931	60.147.395.875
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	2.763.277.802	5.036.842.317
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	2.933.521.479	4.902.666.449
4. Phải trả người lao động	314		17.183.424.470	16.854.774.505
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	3.887.271.654	2.448.867.692
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	1.798.420.523	1.017.342.900
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	151.613.548.160	156.395.677.570
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		697.754.513	2.924.682
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		137.565.348.814	136.398.629.609
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	137.565.348.814	136.398.629.609
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		108.000.000.000	108.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		108.000.000.000	108.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.800.000.000	10.800.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

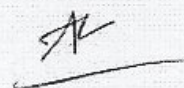
Đơn vị tính: VND

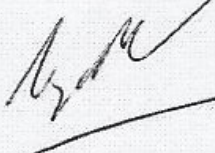
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.446.988.961	8.446.988.961
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.318.359.853	9.151.640.648
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.114.370.817	(11.044.930.671)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.203.989.036	20.196.571.319
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		367.932.810.346	383.205.121.599

Người lập biểu

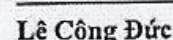
Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc









Nguyễn Thị Bảo Ân

Đặng Thị Ngọc Bích

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	483.203.342.817	553.638.889.074
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	4.451.842.574	3.897.561.913
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	478.751.500.243	549.741.327.161
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	402.427.184.788	478.432.973.938
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		76.324.315.455	71.308.353.223
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	913.463.297	1.579.919.109
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	5.292.673.046	6.706.947.348
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.679.827.181	3.953.950.641
8. Chi phí bán hàng	24	VI.7	30.504.804.436	28.996.706.213
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	29.178.795.512	14.559.666.790
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.261.505.758	22.624.951.981
11. Thu nhập khác	31	VI.8	1.484.109.203	198.253.552
12. Chi phí khác	32	VI.9	3.095.222.647	602.147.875
13. Lợi nhuận khác	40		(1.611.113.444)	(403.894.323)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.650.392.314	22.221.057.658
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	2.446.403.278	2.024.486.339
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.203.989.036	20.196.571.319
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	760	1.718
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	760	1.718

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bảo Ân

Đặng Thị Ngọc Bích

Lê Công Đức

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10.650.392.314	22.221.057.658
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		12.566.227.717	12.328.057.774
- Các khoản dự phòng	03		13.825.695.744	(118.602.242)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(302.199.400)	22.889.484
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(12.318.616)	22.985.358
- Chi phí lãi vay	06		4.679.827.181	3.953.950.641
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		41.407.624.940	38.430.338.673
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		45.746.012.600	(48.403.034.110)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(20.686.964.934)	(42.780.584.319)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(13.758.125.259)	28.175.653.540
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.080.218.172	(1.398.549.769)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(4.554.688.780)	(3.984.900.117)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.114.160.562)	(167.589.656)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(942.440.000)	(182.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		46.177.476.177	(30.310.665.758)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.874.309.084)	(5.347.424.298)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	170.000.001
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.318.616	48.768.279
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.861.990.468)	(5.128.656.018)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
(theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		308.845.049.621	333.683.787.853
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(313.422.717.811)	(314.738.778.873)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.420.891.600)	(103.265.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(8.998.559.790)	18.841.743.980
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		34.316.925.919	(16.597.577.796)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		29.170.887.554	45.837.600.758
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		23.051.866	(69.135.408)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	63.510.865.339	29.170.887.554

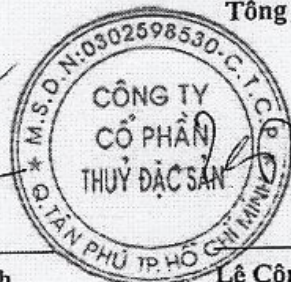
Người lập biểu

(Chữ ký)

Kế toán trưởng

(Chữ ký)

Tổng Giám đốc



(Chữ ký)

Nguyễn Thị Bảo Ân

Đặng Thị Ngọc Bích

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 02 năm 2020